

Tiêu chí xác định chủ thể và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế có sử dụng trí tuệ nhân tạo: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế

Nguyễn Thị Thanh Vân*, Phạm Thị Quỳnh An

Viện Chiến lược, Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ,
115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 17/11/2025; ngày chuyển phản biện 19/11/2025;
ngày nhận phản biện 3/12/2025; ngày chấp nhận đăng 10/12/2025

Tóm tắt:

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đã đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ (SHTT) truyền thống, đặc biệt trong việc xác định chủ thể và đối tượng của quyền sáng chế. Bài báo này tập trung phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn quốc tế và đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này. Trên cơ sở so sánh kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc, nghiên cứu cho thấy mặc dù chưa có quốc gia nào công nhận AI là chủ thể sáng chế, song xu hướng chung là mở rộng phạm vi bảo hộ đối với các sáng chế có yếu tố AI và duy trì nguyên tắc “con người là trung tâm” (anthropocentric principle). Đối với Việt Nam, bài báo đề xuất các giải pháp như: phân loại sáng chế có yếu tố AI, làm rõ tiêu chí xác định người sáng chế, cập nhật hướng dẫn thẩm định sáng chế AI, ban hành cơ chế thử nghiệm (sandbox) và từng bước nghiên cứu sửa đổi Luật SHTT. Kết quả nghiên cứu góp phần định hướng xây dựng khung pháp lý phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền SHTT trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: chủ thể sáng chế, pháp luật Việt Nam, quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế, trí tuệ nhân tạo.

Theoretical foundations and international experience regarding the criteria for identifying the subjects and objects of intellectual property rights for inventions generated by artificial intelligence

Thi Thanh Van Nguyen*, Thi Quynh An Pham

National Institute for Science, Technology Policy and Strategy; Vietnam Institute of Science and Technology Strategy,
115 Tran Duy Hung Street, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam

Received 17 November 2025; revised 3 December 2025; accepted 10 December 2025

Abstract:

The rapid advancement of artificial intelligence (AI) has posed significant challenges to traditional intellectual property (IP) systems, particularly in defining inventorship and the scope of patentable subject matter. This article

*Tác giả liên hệ: Email: thanhvanvcl@gmail.com

analyses the theoretical foundations, international experiences, and proposed policy directions for Vietnam in addressing these issues. By comparing the legal approaches of the United States, the European Union, Japan, South Korea, and China, the findings reveal that although no country currently recognises AI as a legal inventor, there is a growing trend towards expanding patent protection for AI-assisted inventions while maintaining the anthropocentric principle. For Vietnam, the study recommends classifying AI-related inventions, clarifying inventorship criteria, updating patent examination guidelines, introducing regulatory sandboxes, and gradually revising the IP Law. The findings aim to provide a basis for developing a balanced legal framework that both encourages innovation and ensures legal certainty in the era of artificial intelligence.

Keywords: artificial intelligence, intellectual property rights, inventorship, patent, Vietnam law.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) đã trở thành một công nghệ nền tảng, góp phần tạo ra thay đổi căn bản phương thức sáng tạo, sản xuất và quản trị tri thức. Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ, các hệ thống AI ngày nay đã có thể tự động tạo ra sản phẩm mang yếu tố sáng tạo, trong đó đáng chú ý là các sáng chế kỹ thuật. Sự xuất hiện của những sáng chế được tạo ra hoàn toàn hoặc một phần bởi AI đã đặt ra thách thức lớn cho hệ thống pháp luật SHTT hiện hành, vốn được xây dựng dựa trên giả định rằng “tác giả sáng chế” phải là con người.

Trên thực tế, nhiều trường hợp cụ thể đã minh chứng cho tính cấp thiết của vấn đề này. Nổi bật là vụ việc DABUS (Device for The Autonomous Bootstrapping of Unified Sentience), trong đó, Tiến sỹ Stephen Thaler tuyên bố rằng AI DABUS do ông lập trình là “tác giả” của hai sáng chế. Các cơ quan SHTT của Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Liên minh châu Âu, Úc, Nam Phi và nhiều quốc gia khác đã đưa ra các quyết định khác nhau, thể hiện sự thiếu thống nhất trong cách tiếp cận về chủ thể và đối tượng quyền SHTT khi AI tham gia sáng tạo. Điều này không chỉ làm dấy lên các tranh luận học thuật về năng lực pháp lý của AI, mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với hoạt động quản lý, thương mại hóa và bảo hộ sáng chế trên toàn cầu.

Tại Việt Nam, Luật SHTT năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022) hiện chưa có quy định điều chỉnh riêng đối với sáng chế do AI tạo ra. Theo quy định hiện hành,

người sáng chế phải là cá nhân, tức là một người có năng lực pháp luật dân sự. Trong khi đó, các sản phẩm do AI tạo ra đang ngày càng xuất hiện nhiều trong các lĩnh vực như dược phẩm, công nghệ phần mềm, vật liệu mới, khiến khoảng trống pháp lý này trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Vì vậy, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và cơ sở lý luận về tiêu chí xác định chủ thể và đối tượng của quyền SHTT đối với sáng chế do AI tạo ra, có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện khoa học lẫn thực tiễn.

Bài báo này hướng tới ba mục tiêu chính:

- (1) Phân tích cơ sở lý luận về việc xác định chủ thể và đối tượng quyền SHTT đối với sáng chế là sản phẩm của AI;
- (2) Tổng hợp và so sánh kinh nghiệm quốc tế trong xử lý vấn đề này;
- (3) Đề xuất các gợi mở chính sách cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện khung pháp lý về SHTT trong thời đại công nghệ số.

2. Cơ sở lý luận về xác định chủ thể và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế do trí tuệ nhân tạo tạo ra

2.1. Khái niệm và đặc điểm của sáng chế là sản phẩm của trí tuệ nhân tạo

Theo cách hiểu truyền thống, “sáng chế” là giải pháp kỹ thuật có tính mới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp, được tạo ra bởi hoạt động trí tuệ của con người. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của công nghệ AI, phạm vi của hoạt động sáng tạo đã mở rộng sang các hệ thống tự động có khả năng học hỏi, suy luận và tạo ra giải pháp mới mà không cần sự can thiệp trực tiếp của con người.

Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO, 2023) phân biệt bốn cấp độ sáng tạo có sự tham gia của AI:

- (i) Sáng chế về mẫu và thuật toán AI - là những sáng chế về công nghệ lõi của AI;
- (ii) Sáng chế có sự hỗ trợ của AI - là những sáng chế mà quá trình tạo ra có sử dụng AI làm công cụ;
- (iii) Sáng chế dựa trên AI - là những sáng chế mà ý tưởng sáng tạo có một phần là AI;
- (iv) Sáng chế tạo ra bởi AI - là những sáng chế do AI tự động tạo ra, không có sự đóng góp của con người [1].

Các sáng chế ở cấp độ thứ ba và thứ tư đang làm mờ ranh giới giữa “người sáng chế” (inventor) và “công cụ sáng tạo” (tool), từ đó đặt ra câu hỏi pháp lý: liệu AI có thể được coi là chủ thể sáng tạo - tức “người sáng chế” - trong nghĩa pháp lý hay không?

2.2. Cơ sở pháp lý xác định chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong lý luận truyền thống

Theo Công ước Paris (1883), Hiệp ước Hợp tác Sáng chế PCT (Patent Cooperation Treaty - PCT, 1970) và Hiệp định TRIPS (1994) về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế được bảo hộ cho người sáng chế là “người” - tức một cá nhân có năng lực pháp lý. Pháp luật các quốc gia thành viên đều mặc nhiên thừa nhận rằng, chỉ con người mới có khả năng sáng tạo và chịu trách nhiệm pháp lý đối với sáng chế.

Lý luận này dựa trên ba cơ sở: (i) Cơ sở nhân học: sáng tạo là hoạt động trí tuệ mang tính ý thức, có chủ đích và phản ánh bản chất tư duy con người; (ii) Cơ sở pháp lý: chỉ cá nhân mới có tư cách chủ thể quyền dân sự, có thể xác lập, chuyển giao, và chịu trách nhiệm về quyền SHTT; (iii) Cơ sở đạo đức - xã hội: việc công nhận “người sáng chế” là con người nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, đảm bảo công bằng và ghi nhận đóng góp cá nhân.

Như vậy, hệ thống SHTT hiện hành được xây dựng trên mô hình nhân định (anthropocentric model) - lấy con người làm trung tâm của sáng tạo. Khi AI tham gia sâu vào quá trình sáng tạo, mô hình này bắt đầu bộc lộ những giới hạn.

2.3. Thách thức đối với hệ thống pháp luật khi trí tuệ nhân tạo tham gia sáng tạo

Theo Luật SHTT hiện hành, tác giả sáng chế là người trực tiếp sáng tạo ra sáng chế; trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra sáng chế thì họ là đồng tác giả. Như vậy, luật chỉ thừa nhận tác giả của sáng chế là con người.

Trí tuệ nhân tạo không có tư cách pháp nhân và năng lực pháp luật dân sự, do đó không thể là chủ thể quyền SHTT theo nghĩa truyền thống. Tuy nhiên, khi AI tạo ra sáng chế đáp ứng đủ các tiêu chí bảo hộ (tính mới, trình độ sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp), việc từ chối công nhận sáng chế chỉ vì tác giả là AI sẽ gây ra mâu thuẫn giữa thực tiễn công nghệ và khung pháp lý.

Các vấn đề đặt ra bao gồm: (i) Ai là “người sáng chế thực sự” - người lập trình, người vận hành hay chủ sở hữu AI; (ii) Có nên công nhận AI là “đồng sáng chế” cùng con người?; (iii) Nếu AI được coi là công cụ, quyền sở hữu nên thuộc về ai - người điều khiển hay người tạo dữ liệu huấn luyện?; và (iv) Làm thế nào để đánh giá trình độ sáng tạo khi sản phẩm được tạo ra bởi thuật toán học máy, vốn không có “ý định sáng tạo”?

Những câu hỏi này là nền tảng cho việc xây dựng tiêu chí xác định chủ thể và đối tượng của quyền SHTT trong kỷ nguyên AI.

3. Kinh nghiệm quốc tế

3.1. Thực tiễn vụ DABUS và phản ứng của các cơ quan sở hữu trí tuệ trên thế giới

Vụ việc DABUS (Device for The Autonomous Bootstrapping of Unified Sentience) được xem là cột mốc đầu tiên làm bùng nổ tranh luận quốc tế về “tư cách pháp lý của AI trong hoạt động sáng tạo”. DABUS là một hệ thống AI do Tiến sĩ Stephen Thaler (Hoa Kỳ) phát triển, có khả năng tự học và tạo ra các ý tưởng kỹ thuật mới. Năm 2019, Thaler nộp đơn đăng ký sáng chế tại nhiều quốc gia, tuyên bố DABUS là nhà sáng chế duy nhất cho hai sáng chế: (i) một hộp chứa thực phẩm xoáy có thể kết nối với nhau, và (ii) một đèn tín hiệu khẩn cấp tự điều chỉnh tần suất phát sáng [2].

Phản ứng của các cơ quan SHTT quốc gia đối với vụ việc này cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong cách tiếp cận:

- Hoa Kỳ: Văn phòng Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO) bác đơn của Thaler, khẳng định rằng theo Đạo luật Sáng chế (Patent Act), “inventor” phải là “individual”, tức chủ thể sáng chế phải là một cá nhân con người. Quyết định này được Tòa án quận Đông Virginia (2021) và Tòa Phúc thẩm Liên bang (2022) giữ nguyên [3].

- Vương quốc Anh: Văn phòng SHTT Anh (UKIPO) và Tòa án tối cao Anh cũng kết luận tương tự: chỉ con người mới có thể là nhà sáng chế theo Patents Act 1977. Tuy nhiên, tòa thừa nhận vấn đề này “đặt ra thách thức đáng kể cho pháp luật hiện hành” [4].

- Liên minh châu Âu: Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO) bác đơn DABUS với lập luận rằng các quy định của Công ước Sáng chế châu Âu (European Patent Convention - EPC) yêu cầu tên của nhà sáng chế phải là một con người (person). EPO nhấn mạnh: “Một công cụ hoặc hệ thống không có tư cách pháp nhân không thể là nhà sáng chế” [5].

- Úc: Tòa án Liên bang Úc cấp sơ thẩm từng chấp nhận khả năng AI là nhà sáng chế (2021), nhưng quyết định này bị Tòa án Liên bang cấp phúc thẩm hủy bỏ (2022) với lý do tương tự: chỉ con người mới có thể sáng tạo và sở hữu sáng chế [6].

- Nam Phi: Là quốc gia duy nhất tạm thời chấp nhận DABUS là nhà sáng chế (2021). Tuy nhiên, việc chấp nhận này mang tính hình thức hành chính, không phải qua quá trình thẩm định nội dung. Cơ quan SHTT Nam Phi không đưa ra lập luận pháp lý chi tiết [7].

Vụ DABUS do đó trở thành “case study điển hình”, cho thấy rằng hầu hết các hệ thống pháp luật hiện nay vẫn duy trì nguyên tắc nhân định: chỉ con người mới có thể là nhà sáng chế. Tuy nhiên, nó cũng mở ra cuộc tranh luận về khả năng thiết lập cơ chế thừa nhận vai trò sáng tạo của AI trong một khuôn khổ pháp lý mới.

3.2. Tiêu chí xác định chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong pháp luật của một số quốc gia và tổ chức quốc tế

- Hoa Kỳ: Pháp luật Hoa Kỳ theo Điều 100(f) Luật sáng chế số 35 của Hoa Kỳ quy định: “Tác giả sáng chế” có nghĩa là cá nhân, hoặc trong trường hợp là một sáng chế chung thì là các đồng sáng chế đã sáng tạo hoặc khám phá ra đối tượng của sáng chế đó (Inventor means the individual or, if a joint invention, the individuals who invented or discovered the subject matter). Cụm từ “cá nhân - individual” được Tòa án giải thích là chỉ một người tự nhiên (natural person) [3]. Tại Hoa Kỳ, các sáng chế do AI tạo ra vẫn có thể được đăng ký, nhưng phải đứng tên người sáng chế là con người, cụ thể là người thiết kế, vận hành hoặc kiểm soát quá trình sáng tạo của AI. Điều này phản ánh quan điểm “AI là công cụ sáng tạo”, tương tự như phần mềm thiết kế kỹ thuật hay mô hình mô phỏng.

- Vương quốc Anh và Liên minh châu Âu: Cả Anh và EU đều áp dụng cách hiểu tương đồng. Điều 60(1) EPC và Điều 7 của Patents Act 1977 (UK) quy định: quyền đăng ký sáng chế thuộc về người sáng chế, hoặc người được người sáng chế chuyển giao quyền. Do đó, nếu AI tạo ra sáng chế, thì quyền sở hữu chỉ có thể được xác lập cho người hoặc tổ chức có quyền kiểm soát hệ thống AI.

Tòa án Anh trong vụ *Thaler v. Comptroller-General of Patents* (2021) nêu rõ: “AI không thể có quyền pháp lý; vì thế, người yêu cầu đăng ký không thể xác lập quyền sở hữu thông qua AI” [4].

Tuy nhiên, Liên minh châu Âu đang có các nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Báo cáo “Trí tuệ nhân tạo và Sở hữu trí tuệ” (European Parliament, 2020) đề xuất xem xét khung khái niệm “AI-assisted invention” (sáng chế có sự trợ giúp của AI) để phân biệt với “AI-generated invention” (sáng chế tạo ra bởi AI), theo hướng vẫn giữ con người là trung tâm nhưng công nhận vai trò sáng tạo hỗ trợ của AI [8].

- Nhật Bản và Hàn Quốc: Hai quốc gia này đều chưa công nhận AI là nhà sáng chế, song đã bắt đầu ban hành hướng dẫn nội bộ về việc xử lý sáng chế có yếu tố AI. Tại Nhật Bản, Cơ quan Sáng chế (JPO) năm 2024 ban hành Hướng dẫn về sáng chế liên quan đến AI, trong đó quy định: “AI chỉ được coi là công cụ, người sáng chế là người

đã lập trình hoặc thiết kế hệ thống tạo ra sáng chế” [9]. Hàn Quốc cũng có quan điểm tương tự. Cơ quan SHTT Hàn Quốc (KIPO) cho rằng AI có thể hỗ trợ sáng tạo, nhưng “chỉ con người có thể được ghi nhận là nhà sáng chế hợp pháp” [10].

- Trung Quốc: Pháp luật Trung Quốc hiện chưa thừa nhận AI là chủ thể quyền SHTT, nhưng cơ quan quản lý SHTT Trung Quốc (CNIPA) đã đề xuất hướng nghiên cứu xem xét công nhận các sáng chế do AI tạo ra dưới sự giám sát của con người bằng cách thường xuyên sửa đổi “Hướng dẫn về đơn xin cấp bằng sáng chế liên quan đến AI” (Thử nghiệm) [11].

Như vậy, Trung Quốc đã làm rõ rằng mặc dù AI không thể là đối tượng của đơn đăng ký, nhưng các sáng chế liên quan đến AI có thể được cấp bằng sáng chế; về tên đối tượng yêu cầu bảo hộ đối với chương trình máy tính, phiên bản mới nhất của Hướng dẫn Thẩm định Sáng chế đã bổ sung tên “sản phẩm chương trình máy tính”, miễn trừ các yêu cầu về phương tiện lưu trữ; và quy định rằng việc cải thiện trải nghiệm người dùng do công nghệ AI mang lại cần được xem xét trong quá trình thẩm định trình độ sáng tạo.

- Nam Phi: Trường hợp Nam Phi (2021) là ngoại lệ duy nhất, khi cơ quan SHTT chấp nhận DABUS là nhà sáng chế. Tuy nhiên, quốc gia này không thực hiện quy trình thẩm định nội dung sáng chế, nên quyết định mang tính hành chính hơn là pháp lý. Các học giả quốc tế nhận định, đây là “bước thử nghiệm mang tính biểu tượng” nhằm khơi gợi thảo luận toàn cầu về khung pháp lý tương lai [7].

3.3. Xác định đối tượng bảo hộ đối với sáng chế do trí tuệ nhân tạo tạo ra

Bên cạnh vấn đề chủ thể, việc xác định đối tượng bảo hộ cũng là thách thức lớn. Một sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế chỉ khi thỏa mãn ba tiêu chí cơ bản: (1) Có tính mới (novelty); (2) Có trình độ sáng tạo (inventive step); (3) Có khả năng áp dụng công nghiệp (industrial applicability).

Tuy nhiên, tiêu chí “trình độ sáng tạo” đang trở thành vấn đề gây tranh cãi. Bởi lẽ, nếu AI được huấn luyện bằng kho dữ liệu khổng lồ, thì giải pháp mà nó tạo ra có thể không mang ý nghĩa “bất ngờ đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật”, tức là không đáp ứng trình độ sáng tạo theo chuẩn truyền thống. Một số học giả quốc tế đề xuất điều chỉnh tiêu chí sáng tạo để phù hợp với bối cảnh AI, chẳng hạn: (i) Đánh giá “sáng tạo” dựa trên đóng góp kỹ thuật của hệ thống AI thay vì “ý định sáng tạo của con người” [12]; (ii) Xây dựng tiêu chí riêng cho “AI-assisted invention” nhằm bảo vệ kết quả sáng tạo hợp pháp mà không làm thay đổi bản chất hệ thống SHTT [13].

3.4. Nhận xét và xu hướng chung

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế có thể thấy, không quốc gia nào chính thức công nhận AI là chủ thể sáng chế, ngoại trừ một trường hợp hành chính tại Nam Phi. Các nước phát triển (Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) đều duy trì nguyên tắc nhân định, nhưng đang nghiên cứu mô hình trung gian như “AI-assisted invention”. Xu hướng chung là thừa nhận vai trò sáng tạo của AI ở mức công cụ, đồng thời gán quyền sở hữu cho con người hoặc tổ chức có quyền kiểm soát, huấn luyện hoặc lập trình AI.

Như vậy, kinh nghiệm quốc tế cho thấy sự cần thiết của việc xác lập tiêu chí pháp lý rõ ràng về chủ thể và đối tượng của sáng chế trong kỷ nguyên AI, một hướng tiếp cận mà Việt Nam có thể tham khảo khi xây dựng hoặc sửa đổi Luật SHTT trong tương lai gần.

4. So sánh và gợi mở chính sách cho Việt Nam

4.1. Đối chiếu với quy định pháp luật Việt Nam hiện hành

Hệ thống pháp luật Việt Nam về SHTT được xây dựng trên nền tảng của các công ước quốc tế truyền thống, đặc biệt là Công ước Paris 1883, Hiệp ước PCT 1970 và Hiệp định TRIPS 1994, trong đó chủ thể của quyền SHTT được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức có năng lực pháp luật dân sự.

Theo Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022), Điều 122 quy định “tác giả sáng chế” là người trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp. Việc đăng ký sáng chế do đó chỉ có thể đứng tên cá nhân con người, trong khi tổ chức chỉ có thể là chủ sở hữu sáng chế nếu có căn cứ chuyển giao hợp pháp từ tác giả sáng chế (ví dụ: hợp đồng lao động, giao việc, hoặc hợp đồng dịch vụ nghiên cứu).

Như vậy, có thể thấy pháp luật Việt Nam hiện nay chưa thừa nhận khả năng sáng tạo độc lập của AI, và chưa có khung pháp lý điều chỉnh sáng chế được tạo ra bởi AI. Điều này dẫn đến một số khoảng trống pháp lý đáng chú ý:

Thứ nhất, chưa có tiêu chí pháp lý xác định ai là “người sáng chế thực sự” trong trường hợp AI tham gia vào quá trình sáng tạo. Nếu AI tạo ra giải pháp kỹ thuật mới mà không có sự can thiệp trực tiếp của con người, việc gán danh nghĩa “người sáng chế” cho ai (lập trình viên, người vận hành hay chủ sở hữu dữ liệu) đều có thể gây tranh chấp.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về cách đánh giá trình độ sáng tạo của sáng chế do AI tạo ra. Khi sản phẩm của AI có thể vượt ngoài dự đoán của con người, việc sử dụng tiêu chí “người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật” (person skilled in the art) trở nên không còn phù hợp.

Thứ ba, chưa có cơ chế đăng ký, thẩm định hoặc xác lập quyền cho sáng chế có yếu tố AI. Hiện nay, Cục SHTT chưa ban hành hướng dẫn cụ thể về vấn đề này, khiến việc tiếp nhận đơn sáng chế có liên quan đến AI vẫn được xử lý theo quy trình truyền thống.

Khoảng trống này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp cận kinh nghiệm quốc tế và xây dựng tiêu chí riêng phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

4.2. Đánh giá và bài học từ kinh nghiệm quốc tế

Kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến cho thấy, dù chưa có nước nào công nhận AI là nhà sáng chế hợp pháp, song hầu hết đều hướng đến hai nguyên tắc nền tảng: Giữ nguyên tắc nhân định (anthropocentric principle) - chỉ con người có thể là chủ thể quyền SHTT và thừa nhận vai trò hỗ trợ sáng tạo của AI (AI-assisted invention) - tức AI là công cụ, còn quyền sở hữu thuộc về người kiểm soát quá trình sáng tạo.

Đặc biệt, các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu đã ban hành hướng dẫn hành chính và khung pháp lý mềm (soft law) nhằm xử lý các đơn sáng chế có yếu tố AI, thay vì chờ sửa luật. Điều này giúp họ linh hoạt thích ứng với thực tiễn công nghệ, đồng thời duy trì sự thống nhất với hệ thống pháp lý quốc tế hiện hành.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy cách tiếp cận “con người trong vòng lặp” (human-in-the-loop) - tức chỉ công nhận sáng chế do AI tạo ra nếu có yếu tố giám sát, điều khiển hoặc lập trình bởi con người - là một mô hình có thể tham khảo. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo tính hợp pháp, vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên AI.

Từ góc độ chính sách, các quốc gia cũng đang nghiên cứu cơ chế gán quyền (allocation of rights), theo đó quyền SHTT không gán với AI mà thuộc về chủ sở hữu hoặc người điều hành hệ thống AI - tương tự nguyên tắc quyền tác giả đối với tác phẩm do máy móc hỗ trợ (computer-generated works) trong lĩnh vực bản quyền.

4.3. Gợi mở chính sách và định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Dựa trên cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế, có thể đề xuất một số định hướng chính sách cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, Luật SHTT cần làm rõ khái niệm “sáng chế do AI tạo ra” và phân loại các sáng chế có liên quan đến AI. Việt Nam nên phân loại sáng chế liên quan đến AI thành bốn nhóm, tương tự cách tiếp cận của WIPO (2023) đã nêu ở trên.

Thứ hai, xác định rõ tiêu chí về “tác giả sáng chế” trong bối cảnh có yếu tố AI. Cần bổ sung quy định trong Luật SHTT hoặc nghị định hướng dẫn về việc: “tác giả sáng chế” trong sáng chế có yếu tố AI là cá nhân trực tiếp thiết kế, lập trình, điều hành hoặc kiểm soát quá trình sáng tạo của hệ thống AI. Trong trường hợp có nhiều cá nhân, có thể ghi nhận đồng sáng chế theo mức độ đóng góp tương tự như hiện nay.

AI không được xem là chủ thể sáng chế, nhưng có thể được ghi nhận như một công cụ hoặc hệ thống hỗ trợ sáng tạo trong hồ sơ đăng ký. Quy định này giúp minh bạch hóa trách nhiệm pháp lý và tôn trọng nguyên tắc nhân định, đồng thời không cản trở sự phát triển công nghệ.

Thứ ba, cập nhật tiêu chí thẩm định sáng chế có yếu tố AI. Trong hướng dẫn thẩm định sáng chế, nên xem xét đưa vào tiêu chí đánh giá riêng cho “AI-assisted invention”, tập trung vào đóng góp kỹ thuật của con người trong quá trình sử dụng AI. Bên cạnh đó, ban hành cơ chế cho phép thẩm định viên cân nhắc mức độ tự động hóa của hệ thống AI để xác định trình độ sáng tạo. Tạo điều kiện cho bằng sáng chế kết hợp (hybrid inventions), nơi AI đóng vai trò tạo ra một phần của giải pháp kỹ thuật.

Thứ tư, định hướng lâu dài nghiên cứu sửa đổi Luật SHTT. Trong dài hạn, Việt Nam nên xem xét bổ sung một chương hoặc mục riêng về sáng chế có yếu tố AI, trong đó: Pháp luật cần ghi nhận khái niệm “AI-assisted invention”; Xác định nguyên tắc gán quyền sở hữu sáng chế trong trường hợp AI tham gia sáng tạo; Quy định nghĩa vụ minh bạch: người nộp đơn phải công bố mức độ tham gia của AI trong quá trình sáng tạo.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế và đào tạo chuyên môn. Việt Nam cần tham gia tích cực vào các diễn đàn quốc tế do WIPO, ASEAN, OECD điều phối về AI và SHTT. Đồng thời, nên tổ chức đào tạo chuyên sâu cho thẩm định viên, luật sư và chuyên gia SHTT để nắm bắt xu hướng quốc tế và chuẩn bị cho các hồ sơ sáng chế liên quan đến AI trong tương lai.

Pháp luật Việt Nam hiện đang ở giai đoạn tiền thích ứng với làn sóng sáng tạo do AI tạo ra. Việc sửa đổi, bổ sung quy định cần được tiến hành thận trọng nhưng chủ động, trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với thực tiễn phát triển công nghệ trong nước.

Có thể kết luận rằng, AI chưa thể trở thành chủ thể quyền SHTT, nhưng vai trò của AI trong hoạt động sáng tạo là không thể phủ nhận. Do đó, khung pháp lý tương lai của Việt Nam nên hướng tới mô hình cân bằng giữa khuyến khích đổi mới sáng tạo và đảm bảo tính pháp lý nhân định. Việc xác lập tiêu chí rõ ràng cho sáng chế có yếu tố AI sẽ không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước mà còn tăng cường năng lực cạnh tranh công nghệ và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong kỷ nguyên AI.

5. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của AI trong hơn một thập kỷ qua đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong hoạt động sáng tạo và đổi mới công nghệ. Nếu như trước đây, sáng chế luôn gắn với tư duy sáng tạo của con người, thì ngày nay, AI đã có thể tự động hóa, mô phỏng và thậm chí vượt qua khả năng sáng tạo thông thường của con người trong một số lĩnh vực chuyên biệt. Thực tiễn này đặt ra thách thức lớn cho hệ thống pháp luật SHTT truyền thống, vốn được thiết kế dựa trên tiền đề “chủ thể sáng tạo là con người”.

Trên cơ sở tổng quan lý luận và kinh nghiệm quốc tế, có thể khẳng định rằng chưa có quốc gia nào công nhận AI là chủ thể quyền SHTT, nhưng nhiều quốc gia đã và đang thích ứng linh hoạt bằng việc ban hành hướng dẫn, chính sách tạm thời hoặc cơ chế thử nghiệm (sandbox) để điều chỉnh sáng chế có yếu tố AI. Điểm chung trong xu hướng toàn cầu là duy trì nguyên tắc nhân định, nhưng mở rộng phạm vi công nhận đối với các sáng chế được tạo ra với sự tham gia đáng kể của AI, qua đó vừa bảo đảm cơ sở pháp lý, vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Đối với Việt Nam, pháp luật hiện hành về SHTT (Luật SHTT 2005, sửa đổi 2022 và các Nghị định hướng dẫn) chưa có quy định riêng về sáng chế liên quan đến AI, cả về tiêu chí xác định người sáng chế lẫn quy trình thẩm định, đăng ký. Khoảng trống này khiến việc xử lý các sáng chế “AI-assisted” trong thực tiễn tiềm ẩn nhiều tranh chấp và khó khăn về xác định quyền. Do đó, việc nghiên cứu, tiếp cận và học hỏi kinh nghiệm quốc tế là cần thiết nhằm định hướng xây dựng tiêu chí pháp lý phù hợp với điều kiện Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Intellectual Property Organization (WIPO) (2023), “AI Invention”, https://www.wipo.int/about-ip/en/frontier_technologies/pdf/wipo-ai-inventions-factsheet.pdf, accessed 10 November 2025.
- [2] World Intellectual Property Organization (WIPO) (2019), “The artificial inventor project”, *WIPO Magazine*, <https://www.wipo.int/en/web/wipo-magazine/articles/the-artificial-inventor-project-41111>, accessed 10 November 2025.
- [3] S.Adams, B.A. Stulberg (2021), “DABUS will need to wait - U.S. district court affirms USPTO’s denial of AI system as inventor”, *Davis Wright Tremaine LLP*, <https://www.dwt.com/blogs/artificial-intelligence-law-advisor/2021/09/uspto-ai-patent-federal-court-decision>, accessed 10 November 2025.
- [4] Supreme Court of the United Kingdom (2023), *Thaler (Appellant) v Comptroller-General of Patents, Designs and Trade Marks (Respondent)*, https://supremecourt.uk/uploads/uksc_2021_0201_judgment_3f445a5dc7.pdf, accessed 10 November 2025
- [5] European Patent Office (2021), *EPO Decisions J 8/20 and J 9/20*, <https://www.epo.org/en/boards-of-appeal/decisions/j200008eu1>, accessed 10 November 2025.
- [6] Federal Court of Australia (2022), *Commissioner of Patents v Thaler* [2022] FCAFC 62, <https://business.cch.com/ipld/AustraliaCommissionerThaler202200413.pdf>, accessed 10 November 2025.
- [7] Adams & Adams (2021), South African Patent Office’s Recent Grant of a Patent for an Invention Created by Artificial Intelligence, <https://www.adams.africa/intellectual-property/south-african-patent-offices-recent-grant-of-a-patent-for-an-invention-created-by-artificial-intelligence>, accessed 10 November 2025.
- [8] European Parliament (2020), *REPORT on intellectual property rights for the development of artificial intelligence technologies*, https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/A-9-2020-0176_EN.html, accessed 10 November 2025.
- [9] Japan Patent Attorneys Association (2024), Examination Guideline for AI-related Inventions, <https://www.jpaa.or.jp/en/cms/wp-content/uploads/2024/02/Examination-Guideline-for-AI-related-inventions-by-JPO.pdf>, accessed 10 November 2025.
- [10] Korean Intellectual Property Office (KIPO 2022), *KIPO finds that AI cannot be a legal ‘inventor’ under the Korean Patent Act*, https://www.kipo.go.kr/en/BoardApp/UEngBodApp?board_id=kiponews&c=1003&catmenu=ek06_01_01&seq=1734&utm, accessed 10 November 2025.
- [11] China National Intellectual Property Administration (2024), Guidelines for Patent Applications Related to Artificial Intelligence (Trial), https://www.cnipa.gov.cn/art/2024/12/31/art_66_196988.html, accessed 10 November 2025.
- [12] R. Abbott (2020), *The Reasonable Robot: Artificial Intelligence and the Law*, Cambridge University Press, 300pp.
- [13] World Intellectual Property Organization (WIPO) (2020), Revised Issues Paper on Intellectual Property Policy and Artificial Intelligence, https://www.wipo.int/edocs/mdocs/mdocs/en/wipo_ip_ai_2_ge_20/wipo_ip_ai_2_ge_20_1_rev.pdf, accessed 10 November 2025.